

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 476/KH-SGDDT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 4 năm 2022

Ký bởi: Sở Giáo dục và Đào tạo
Cơ quan Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 26/04/2022 09:31:39

TRƯỜNG THCS VÀ THPT PHẠM KIẾT

ĐẾN Số: 217
Ngày: 26/4/2022
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

KẾ HOẠCH

Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ
điện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh lãnh đạo,
quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo
nhiệm kỳ 2021 - 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031

Thực hiện Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công
tác quy hoạch cán bộ (sau đây viết tắt là Quy định 50), Hướng dẫn số 16-
HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung
công tác quy hoạch cán bộ (sau đây viết tắt là Hướng dẫn 16), Hướng dẫn số 05-
HD/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán
bộ (sau đây viết tắt là Hướng dẫn 05), Quy định số 1913-QĐ/TU ngày 20/5/2020
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ điện Ban Thường vụ
Tỉnh ủy quản lý và Quy định số 244-QĐ/TU ngày 14/6/2021 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy định số 1913- QĐ/TU ngày
20/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ điện Ban
Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Công văn số 1274/UBND-NC ngày 24/3/2022 của
UBND tỉnh về triển khai Hướng dẫn số 05; Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban
hành kế hoạch thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý thuộc diện Ban
Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và
tương đương thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ
2026-2031, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung
ương, của Tỉnh ủy và cơ quan chức năng về công tác quy hoạch cán bộ.

2. Kịp thời rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch những công chức, viên chức (gọi
chung là cán bộ) không còn bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và bổ
sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát
triển.

3. Việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2021 - 2026 và nhiệm
kỳ 2026 - 2031 đảm bảo tính ổn định, kế thừa và phát triển; cơ cấu quy hoạch hợp
lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong thời gian đến. Đồng thời, phải gắn kết
chặt chẽ, đồng bộ với công tác tạo nguồn và phát triển cán bộ trẻ, cán bộ nữ được
quy định trong Đề án số 08-ĐA/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
và Quyết định số 216/QĐ-SGDDT ngày 22/02/2022 của Sở GDĐT về việc ban
hành đề án tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý là cán bộ nữ, cán bộ trẻ giai đoạn từ
năm 2022 đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

4. Thực hiện quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn, không quy hoạch
chức vụ đang đảm nhiệm.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Chức danh quy hoạch

- Chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*Giám đốc, Phó Giám đốc Sở*).
- Chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở GDDT quản lý (*Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm*).

2. Đối tượng, thời gian quy hoạch

a) Quy hoạch chức danh Giám đốc Sở

- Đối tượng 1: Các đồng chí Phó Giám đốc Sở được quy hoạch chức danh Giám đốc Sở nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất 72 tháng trở lên.
- Đối tượng 2: Gồm trưởng phòng và tương đương thuộc Sở GDDT quản lý, có phụ cấp chức vụ từ 0,5 trở lên. Các đồng chí này phải có quy hoạch chức danh đối tượng 01 (*phó giám đốc Sở*) và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

b) Quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở

- Đối tượng 1: Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở GDDT quản lý, các chức danh lãnh đạo, quản lý có phụ cấp chức vụ từ 0,5 trở lên. Các đồng chí trên được quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất 72 tháng trở lên.
- Đối tượng 2: Gồm phó trưởng phòng và tương đương thuộc Sở GDDT quản lý có phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên; các đồng chí này phải có trong quy hoạch chức danh đối tượng 01 (*trưởng phòng và tương đương*) và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

c) Quy hoạch các chức danh thuộc diện Lãnh đạo Sở GDDT quản lý theo phân cấp

+ Quy hoạch chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, gồm:

- Đối tượng 1: Các Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở GDDT quản lý, các chức danh lãnh đạo, quản lý có phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên. Các đồng chí trên được quy hoạch chức danh Trưởng phòng và tương đương, nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất 72 tháng trở lên.

- Đối tượng 2: Công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực thực tiễn công tác, có năng lực lãnh đạo, quản lý, có trong quy hoạch chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở

+ Quy hoạch chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở gồm: Công chức, viên chức thuộc Sở có phẩm chất đạo đức, năng lực thực tiễn công tác, có năng lực lãnh đạo, quản lý. Các đồng chí trên được quy hoạch chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất 72 tháng trở lên.

Lưu ý: Thời điểm tính tuổi quy hoạch theo quy định tại Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung công tác quy hoạch cán bộ, thời điểm tính tuổi quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý như sau:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026 - 2031: Tháng 5/2026.

+ Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch (theo phụ lục 1 đính kèm Kế hoạch này).

3. Về tiêu chuẩn, điều kiện

- Về trình độ chuyên môn: Có trình độ đại học trở lên.

- Về trình độ lý luận chính trị: Phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm. Trường hợp cán bộ có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

- Về tiêu chuẩn, điều kiện khác:

+ Có kiến thức, am hiểu về quản lý nhà nước và kiến thức chuyên môn về quản lý nhà nước đối với ngành phụ trách.

+ Có năng lực phát hiện những hạn chế, yếu kém của ngành để có giải pháp khắc phục; cụ thể hóa, thể chế hoá các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh và của ngành cấp trên để hoạch định phương hướng, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. Tổ chức và theo dõi việc thi hành, thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật đối với ngành, lĩnh vực được phân công.

+ Có kinh nghiệm lãnh đạo, điều hành, phân tích, nhạy cảm, nhanh chóng xử lý, thông tin để quyết định công việc chính xác; năng động, sáng tạo, có tính quyết đoán, kịp thời quyết định những vấn đề khó, phức tạp thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và dám chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

+ Có khả năng nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp quy giúp ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực của mình. Có khả năng xây dựng, thẩm định các đề án kinh tế, xã hội, kỹ thuật, thuộc lĩnh vực chuyên môn, ngành.

+ Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý Nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách có hiệu quả; đảm bảo tính phát triển và thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương

của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Cán bộ được đề nghị quy hoạch phải bảo đảm tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc đủ điều kiện để dự thi nâng ngạch (*xét thăng hạng*) chuyên viên chính và tương đương theo quy định hiện hành.

4. Về số lượng và cơ cấu quy hoạch

a) Về số lượng

- Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 3 người. Một người quy hoạch không quá 3 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch.

- Đối với chức danh lãnh đạo, quản lý không nhất thiết quy hoạch đủ 03 người cho 01 chức danh nếu nhân sự chưa đảm bảo. Tuy nhiên, phải rà soát, bổ sung để đảm bảo ít nhất 02 người cho 01 chức danh trước khi thực hiện quy trình lựa chọn nhân sự để bổ nhiệm.

b) Về cơ cấu

- Về cơ cấu cán bộ nữ, cán bộ trẻ thực hiện theo quy định tại Đề án số 08-ĐA/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tạo nguồn và phát triển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Quyết định số 216/QĐ-SGDDT ngày 22/02/2022 của Sở GDĐT về việc ban hành đề án tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý là cán bộ nữ, cán bộ trẻ giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Cụ thể: Cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý theo hướng cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) đạt tỷ lệ 15% trở lên; cán bộ nữ đạt tỷ lệ từ 25% trở lên. Số lượng công chức, viên chức, người làm việc là nữ đạt từ 30% trở lên, nhất thiết phải có cán bộ nữ quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

5. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý

Thực hiện theo trình tự các bước tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Hướng dẫn số 05-HD/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Hồ sơ quy hoạch

Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch gồm:

(1) Tờ trình và bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.

(2) Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành do các nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.

(3) Nhận xét, đánh giá của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ về: Phẩm chất đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ; năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; uy tín và triển vọng phát triển.

(4) Kết luận tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

(5) Bản kê khai tài sản, thu nhập theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận kê khai theo quy định).

(6) Bản sao có giá trị pháp lý các văn bản, chứng chỉ về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị ... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Các tài liệu nêu tại mục 2,3,4,5 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.

- Mỗi cá nhân được đề nghị quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý gửi 03 bộ hồ sơ (*Lưu ý: Về sơ yếu lý lịch thực hiện theo mẫu 2a và 2c của BTCTW đối với các đồng chí lần đầu quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; đối với các đồng chí đã được quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có kết luận tiêu chuẩn chính trị, chỉ bổ sung mẫu 2c của BTCTW*).

- Cá nhân đề nghị quy hoạch chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GDDT gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng TCCB, 01 bộ hồ sơ lưu giữ tại đơn vị (*lý lịch theo mẫu 2c của Bộ Nội vụ*).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Tổ chức cán bộ chủ động nghiên cứu tham mưu cho lãnh đạo Sở thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở GDDT nhiệm kỳ 2021 - 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo quy định. Đồng thời, tham mưu báo cáo kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cho lãnh đạo Sở và gửi hồ sơ nhân sự đề nghị quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) **trước ngày 15/5/2022**. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GDDT **trước ngày 31/5/2022** để thẩm định, trình phê duyệt.

2. Căn cứ danh sách cán bộ được phê duyệt quy hoạch, Phòng Tổ chức cán bộ tham mưu thực hiện việc công khai quy hoạch theo đúng quy định tại Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ: xây dựng kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với từng chức danh bổ nhiệm.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở GDDT phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ tổ chức thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo cho công tác quy hoạch của Sở đạt kết quả, đúng tiến độ thời gian đề ra.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đơn vị báo cáo về Sở GDDT (*qua Phòng TCCB*) để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Sở Nội vụ;
- Đảng ủy Sở GDDT;
- Lãnh đạo Sở GDDT;
- Công đoàn Ngành GDDT;
- Các phòng thuộc Sở GDDT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GDDT;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thái

**CÁCH TÍNH THỜI ĐIỂM NGHỈ HƯU
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2020/NĐ-CP**

(Kèm theo Kế hoạch số.../KH-SGDĐT ngày... tháng 04 Năm 2022 của Sở GDĐT)

Lao động nam					Lao động nữ				
Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu		Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm	Tháng	Năm		Tháng	Năm
1	1961	60 tuổi 3 tháng	5	2021	1	1966	55 tuổi 4 tháng	6	2021
2	1961		6	2021	2	1966		7	2021
3	1961		7	2021	3	1966		8	2021
4	1961		8	2021	4	1966		9	2021
5	1961		9	2021	5	1966		10	2021
6	1961		10	2021	6	1966		11	2021
7	1961		11	2021	7	1966		12	2021
8	1961		12	2021	8	1966		1	2022
9	1961		1	2022	9	1966		6	2022
10	1961	60 tuổi 6 tháng	5	2022	10	1966	55 tuổi 8 tháng	7	2022
11	1961		6	2022	11	1966		8	2022
12	1961		7	2022	12	1966		9	2022
1	1962		8	2022	1	1967		10	2022
2	1962		9	2022	2	1967		11	2022
3	1962		10	2022	3	1967		12	2022
4	1962		11	2022	4	1967		1	2023
5	1962		12	2022	5	1967	56 tuổi	6	2023
6	1962		1	2023	6	1967		7	2023

7	1962	60 tuổi 9 tháng	5	2023	7	1967		8	2023
8	1962		6	2023	8	1967		9	2023
9	1962		7	2023	9	1967		10	2023
10	1962		8	2023	10	1967		11	2023
11	1962		9	2023	11	1967		12	2023
12	1962		10	2023	12	1967		1	2024
1	1963		11	2023	1	1968	56 tuổi 4 tháng	6	2024
2	1963		12	2023	2	1968		7	2024
3	1963		1	2024	3	1968		8	2024
4	1963		5	2024	4	1968		9	2024
5	1963		6	2024	5	1968		10	2024
6	1963		7	2024	6	1968		11	2024
7	1963	61 tuổi	8	2024	7	1968		12	2024
8	1963		9	2024	8	1968		1	2025
9	1963		10	2024	9	1968		6	2025
10	1963		11	2024	10	1968		7	2025
11	1963		12	2024	11	1968		8	2025
12	1963		1	2025	12	1968		9	2025
1	1964	61 tuổi 3 tháng	5	2025	1	1969	56 tuổi 8 tháng	10	2025
2	1964		6	2025	2	1969		11	2025
3	1964		7	2025	3	1969		12	2025
4	1964		8	2025	4	1969		1	2026
5	1964		9	2025	5	1969		6	2026
6	1964		10	2025	6	1969	57 tuổi	7	2026

7	1964		11	2025	7	1969		8	2026
8	1964		12	2025	8	1969		9	2026
9	1964		1	2026	9	1969		10	2026
10	1964	61 tuổi 6 tháng	5	2026	10	1969	57 tuổi 4 tháng	11	2026
11	1964		6	2026	11	1969		12	2026
12	1964		7	2026	12	1969		1	2027
1	1965		8	2026	1	1970		6	2027
2	1965		9	2026	2	1970		7	2027
3	1965		10	2026	3	1970		8	2027
4	1965		11	2026	4	1970		9	2027
5	1965		12	2026	5	1970		10	2027
6	1965		1	2027	6	1970		11	2027
7	1965		5	2027	7	1970		12	2027
8	1965		6	2027	8	1970		1	2028
9	1965		7	2027	9	1970	57 tuổi 8 tháng	6	2028
10	1965	61 tuổi 9 tháng	8	2027	10	1970		7	2028
11	1965		9	2027	11	1970		8	2028
12	1965		10	2027	12	1970		9	2028
1	1966		11	2027	1	1971		10	2028
2	1966		12	2027	2	1971		11	2028
3	1966		1	2028	3	1971		12	2028
Từ tháng 4/1966 trở đi		62 tuổi	Tháng liền kề sau tháng người lao động đủ 62 tuổi		4	1971		1	2029
					5	1971		6	2029

7	1971		8	2029
8	1971		9	2029
9	1971		10	2029
10	1971		11	2029
11	1971		12	2029
12	1971		1	2030
1	1972	58 tuổi 4 tháng	6	2030
2	1972		7	2030
3	1972		8	2030
4	1972		9	2030
5	1972		10	2030
6	1972		11	2030
7	1972		12	2030
8	1972		1	2031
9	1972	58 tuổi 8 tháng	6	2031
10	1972		7	2031
11	1972		8	2031
12	1972		9	2031
1	1973		10	2031
2	1973		11	2031
3	1973		12	2031
4	1973		1	2032
5	1973	59 tuổi	6	2032
6	1973		7	2032

7	1973		8	2032
8	1973		9	2032
9	1973		10	2032
10	1973		11	2032
11	1973		12	2032
12	1973		1	2033
1	1974	59 tuổi 4 tháng	6	2033
2	1974		7	2033
3	1974		8	2033
4	1974		9	2033
5	1974		10	2033
6	1974		11	2033
7	1974		12	2033
8	1974		1	2034
9	1974	59 tuổi 8 tháng	6	2034
10	1974		7	2034
11	1974		8	2034
12	1974		9	2034
1	1975		10	2034
2	1975		11	2034
3	1975		12	2034
4	1975		1	2035
Từ tháng 5/ 1975 trở đi		60 tuổi	Tháng liền kề sau tháng người lao động đủ 60 tuổi	